

Tập 18

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang mười tám:

(Sớ) Tác vô minh sở phú, thất bản lưu mạt, hỗn loạn chân thể, cố danh viết Trược. Như trùng nê sa, phục sử tịnh khiết, tư chi vị Thanh, tức chỉ chuyển Ngũ Trược nhi thành Thanh Thái dã.

(Diễn) Vô minh sở phú, thất bản lưu mạt giả, vô minh, tức căn bản vô minh, tức bất như thật tri dã. Phú, vị phú cái chân tánh, Bản tức chân tánh, Mạt vị tam tế, lục thô, ký thất bản tự lưu mạt.

(疏)則無明所覆，失本流末，渾亂真體，故名曰濁。如澄泥沙，復使淨潔，斯之謂清，即指轉五濁而成清泰也。

(演)無明所覆，失本流末者。無明，即根本無明，即不如實知也。覆，謂覆蓋真性。本即真性，末謂三細六粗，既失本自流末。

(Sớ: Liên bị vô minh che lấp, đánh mất gốc, chạy theo ngọn, hỗn loạn chân thể, nên gọi là Trược. Như lắng bùn, cát, khiến cho nó trong sạch trở lại, đó gọi là Thanh, tức là chuyển Ngũ Trược thành cõi Thanh Thái.

Diễn: “Vô minh che lấp, đánh mất gốc, chạy theo ngọn”: Vô minh là căn bản vô minh, tức là chẳng biết đúng như thật. Phú là che lấp chân tánh. Bản là chân tánh. Mạt là tam tế, lục thô. Đã mất gốc tự chạy theo ngọn).

Kinh văn giảng rõ vì sao vô minh khởi lên trong chân tánh? Sau khi vô minh đã dậy lên, nó sẽ phát triển như thế nào? Đoạn văn này tuy không dài, nhưng cũng nói rất rõ ràng. Trong buổi giảng trước, tôi đã đặc biệt nhắc quý vị, câu “Chân Như pháp nhất” hết sức trọng yếu. Nhà Thiền thường nói: “Thức đặc nhất, vạn sự tất” (biết một chuyện, muôn sự đều xong).

Chúng ta học Phật công phu không đặc lực là vì khuyết điểm này, tức là chúng ta chẳng biết: Trong Chân Như các pháp là một. Chẳng biết tu hành phải tương ứng với Nhất Chân, pháp giới vốn là Nhất Chân, nhưng cái Nhất ấy quả thật rất khó hiểu. Hễ trong tâm quý vị có Nhất thì sẽ chẳng Nhất. Trong Nhất không có gì cả, hễ có một quan niệm sẽ là sai. “Tâm thể

ly niệm” là Nhất, hề có niệm sẽ chẳng Nhất! Thế nhưng công phu này rất khó thực hiện, trong tâm chúng ta luôn khởi tâm động niệm. Dầu một ý niệm gì cũng không có thì lại biến thành Vô Tướng Định, lại sai mất rồi! Quả báo của Vô Tướng Định là cõi trời Vô Tướng trong Tứ Thiên Thiên. Hai bên Có và Không đều lìa thì mới là Nhất. Có “hữu niệm” không được, có “vô niệm” cũng không được. Hữu niệm và vô niệm đều phải bỏ, đây mới là nhất tâm, đây mới là tương ứng với “*Chân Như pháp nhất*”. Hiểu rõ đạo lý này thì mới hiểu cương lĩnh trọng yếu trong tu học.

“*Bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm*” (Tâm bất giác khởi lên ý niệm), cho thấy: Chúng ta khởi tâm động niệm thì là bất giác, cái bất giác ấy chính là căn bản vô minh. “*Giác tâm bất khởi niệm*” (Giác tâm chẳng khởi niệm), chúng ta phải phản tỉnh ở chỗ này. Bất luận trong cảnh giới nào, khởi tâm động niệm là nghiệp tướng, trước đó là căn bản vô minh. Vô minh bất giác sanh tam tế. Vô minh che lấp chân tánh của chúng ta, trong kinh này gọi chân tánh là nhất tâm, Lý nhất tâm. Vô minh che lấp nhất tâm của chúng ta, đây là mê mất Bản. Bản là Lý nhất tâm, tức Chân Như bản tánh, “*thất*” (失) là mê mất. Mê mất là bất giác, nên mới rớt vào “*chi mạt*” (枝末: cành nhánh). Chi mạt chính là ba tế tướng của A Lại Da, tức Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng và Cảnh Giới Tướng.

Trong đoạn này còn nói Tướng Phần và Kiến Phần có cùng nguồn. Nay chúng ta nói tinh thần và vật chất có cùng một nguồn cội, đều do Chân Như bản tánh biến hiện. Chúng ta nghe những câu này xong ngỡ ngác không hiểu! Nói những hiện tượng tinh thần bị mê hoặc, điên đảo là do Chân Như bản tánh sau khi đã mê biến hiện ra, chúng ta còn tin tưởng mấy phần, đại khái là vẫn còn có thể xảy ra như vậy; chứ nói núi, sông, đại địa, sâm la vạn tượng cũng là do Kiến Phần của chúng ta biến hiện ra, chúng ta rất khó thể tin tưởng! Làm sao mà cái tâm này có thể biến hiện ra núi sông, đại địa ở bên ngoài? Những hiện tượng trước mắt là ba tế tướng của A Lại Da, A Lại Da rộng lớn không có ngăn hạn. Giác ngộ rồi, A Lại Da biến thành Đại Viên Kính Trí, toàn thể cảnh giới biến thành Nhất Chân pháp giới. Mê rồi thì sẽ là vô lượng vô biên pháp giới, chứ không phải chỉ có mười pháp giới! Sự thật này rất khó lòng thấu hiểu được, nhưng chúng ta nghĩ nó giống như lúc nằm mộng sẽ thấy chẳng khó hiểu nữa. Trong giấc mộng, quý vị thấy có chính mình, vậy thì cái “chính mình ở trong mộng ấy” là do đâu mà có? Chính mình có thân thể mà cũng có tinh thần, vậy thì tinh thần và sắc tướng từ đâu mà có? Núi, sông, đại địa trong giấc mộng do đâu mà có? Trong mộng cũng có hư không, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, thử hỏi những thứ ấy do đâu mà có? Há chẳng phải là tâm

của chính mình biến hiện ra ư? Trong mộng có thể biến sắc thân, có thể biến núi, sông, đại địa, sau khi chúng ta mê mất chân tánh, lẽ nào tướng chẳng hiện ra? Công năng của chân tánh so với công năng của “*độc đầu ý thức*”¹ trong mộng phải lớn hơn rất nhiều, thù thắng hơn rất nhiều! Nó có thể biến. Do vậy, lấy những hình tượng được hiện trong mộng để tỷ dụ đạo lý này hòng suy tưởng thì đối với những đạo lý được nói trong kinh Phật sẽ có thể tin tưởng mấy phần.

Ba tể tướng đều là Tự Thể của A Lại Da. Nghiệp Tướng là tướng động của vô minh, động gọi là Nghiệp. Do tâm bất giác khởi lên nên gọi là Nghiệp. “*Tâm khởi*” sẽ có niệm, ý niệm là Kiến Phần. Từ Nghiệp Tướng biến ra Chuyển Tướng. Niệm có thể chuyển, chuyển gì vậy? Chuyển biến, biến gì vậy? Biến ra cảnh giới; vũ trụ, nhân sinh, sâm la vạn tượng đều được biến ra. Biến ra những tướng ấy thì gọi là Cảnh Giới Tướng, tức là Tướng Phần của A Lại Da. Từ trong Cảnh Giới Tướng lại biến hiện sáu thứ thô tướng, [gộp cả ba tể tướng và sáu thô tướng, ta có] “*tam tể, lục thô*”. Ba tể tướng (Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, Cảnh Giới Tướng) của A Lại Da bao gồm toàn bộ vũ trụ nhân sinh, bao gồm toàn thể vũ trụ, đó là ba tể tướng. “*Lục thô tướng*” không giống vậy. Sáu thô tướng là nói về từng cá nhân trong chúng ta, tức là chỉ cho từng người riêng biệt. Mỗi một hữu tình chúng sanh đều có sáu thô tướng, sáu thứ thô tướng do đâu mà có? Từ ba tể tướng biến hiện ra, chẳng tách rời ba tể tướng. Kinh Đại Thừa thường nói tâm có thể hiện tướng, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Sâm la vạn tượng, các thứ sai biệt là do thức biến. Trong “*lục thô*” thì thứ nhất là Trí Tướng, thứ hai là Tương Tục Tướng, cổ nhân ghép hai tướng này với thức thứ bảy, còn Chấp Thủ Tướng và Kế Danh Tự Tướng được ghép với thức thứ sáu. Khởi Nghiệp Tướng ứng với năm thức trước (Nhân Thức, Nhĩ Thức v.v...) Nghiệp Hệ Khổ Tướng là quả báo.

(Diễn) Hỗn loạn chân thể giả.

¹ “*Độc đầu ý thức*”: Ý thức của cái tâm tán loạn có thể chia thành bốn loại; tức minh liễu (*nhận biết rõ ràng*), định trung (*ý thức khởi tác dụng trong Định*), độc tán (*ý thức đột nhiên sanh khởi do nghĩ nhớ quá khứ, hoặc suy tưởng vị lai, hoặc do so sánh, phân biệt, chấp trước mà có*), mộng trung (*ý thức trong giấc mộng*). Trong bốn loại này, minh liễu ý thức là ý thức do năm thức trước (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) tiếp nhận năm trần mà sanh khởi, nó phải luôn sanh khởi cùng với năm thức trước nên còn gọi là Ngũ Câu Ý Thức. Định trung, độc tán và mộng trung ý thức chẳng cùng với năm thức trước sanh khởi nên gọi là Độc Đầu Ý Thức, hoặc Tán Vị Độc Đầu Ý Thức.

(演) 渾亂真體者。

(Diễn: Hồn loạn chân thể là...)

“Chân thể” là bản tánh, là nhất tâm bất loạn. Nay chúng ta đánh mất nhất tâm, vọng niệm từ sáng đến tối không ngừng, cái tâm rối loạn, chẳng phải là nhất tâm. Tâm là trực tướng, chẳng phải là tướng thanh tịnh.

(Diễn) Như Lăng Nghiêm vân: “Thí như thanh thủy, thanh khiết bản nhiên. Hữu chư thể nhân, thủ bỉ thổ trần, đầu w thanh thủy, thủy vong thanh khiết, dung mạo cốt nhiên, danh chi viết Trược”.

(演) 如楞嚴云：譬如清水，清潔本然。有諸世人，取彼土塵，投於清水，水亡清潔，容貌汨然，名之曰濁。

(Diễn: Như kinh Lăng Nghiêm nói: “Ví như nước trong vốn sẵn thanh khiết. Có những người đời lấy đất, bụi ném vào nước trong, nước mất thanh khiết, mất đi dáng vẻ [sẵn có], nên gọi là Trược”).

“Thí như thanh thủy, thanh khiết bản nhiên” (Ví như nước trong vốn sẵn thanh khiết): Câu này tỷ dụ bản tánh của chúng ta. Nếu có người đem bùn cát quăng vào nước trong trẻo, nước ngay lập tức vẫn đục, mất đi tướng thanh tịnh. Bùn, cát, đất, bụi là gì? Là bất giác, là tam tế, lục thô, vô minh. Tam tế, lục thô giống như bùn, đất, cái tâm thanh tịnh của chúng ta có những thứ này, mất đi thanh tịnh, nhất tâm cũng mất. Đây là tình huống hiện thời của chúng ta.

(Diễn) Phục sử tịnh khiết giả.

(演) 復使淨潔者。

(Diễn: “Khiến cho trong sạch trở lại” là...)

Tiếp theo đó nói đến cách tu hành, tu hành giống “như lắng trong bùn, cát, khiến cho nước lại trong sạch”. Đó gọi là Thanh. Trùng (澄) là lắng cặn.

(Diễn) Lăng Nghiêm vân: “Như trùng trược thủy, trữ w tịnh khí, tĩnh thâm bất động”.

(演) 楞嚴云：如澄濁水，貯於淨器，靜深不動。

(**Diễn:** Kinh Lăng Nghiêm chép: “Nhu lắng trong nước đục, đựng trong đồ chứa sạch, lặng lẽ, sâu thẳm, bất động”).

Quý vị chứa nước ấy lại, tuy nó có bùn, cát, không sao cả! Do nước vốn là khiết tịnh, để một thời gian lâu, bùn, cát sẽ lắng xuống. Lắng cạn thì cần phải có công phu Định lực; chỉ cần quý vị chịu tu Định thì tam tế, lục thô sẽ dần dần tiêu mất. “*Tĩnh thâm bất động*”: Câu này tỷ dụ sự tu hành, bất luận tu pháp môn nào cũng đều phải tĩnh, tĩnh chính là Định. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là tám vạn bốn ngàn mảnh khóc hay phương pháp nhằm tu “*tĩnh thâm bất động*”, tuyệt đối chẳng có pháp môn nào dạy quý vị tu Động. Lễ Phật cũng là một môn tu hành, có người chuyên môn dùng phương pháp này để tu hành. Mỗi ngày lạy Phật ba ngàn lạy, đây chẳng phải là “*tĩnh thâm bất động*” ư? Đúng vậy! Hằng ngày lễ Phật là động, vì sao có thể bất động? Bất động thì làm sao lễ Phật được? Bất động ở đây là tâm bất động, chứ không phải thân bất động. Thân bất động, suốt ngày từ sáng đến tối nhìn vào vách, trong tâm vẫn khởi vọng tưởng, có ích gì đâu! Bảo quý vị “nhất tâm bất loạn”, chứ đâu có bảo quý vị “nhất thân bất loạn!” Lễ Phật thân tuy động, nhưng tâm bất động, trong tâm lắng trong đến mức cùng cực sẽ tự nhiên cảm ứng; sự cảm ứng ấy khiến cho tam tế, lục thô dần dần bị đào thải, dần dần chuyển biến thành Định - Huệ. Do vậy, lễ Phật là một phương pháp tu hành rất xảo diệu, thậm chí xảo diệu hơn kinh hành. Hiểu được nguyên tắc này, bất luận trong trường hợp nào, bất luận dùng phương pháp nào, cũng đều là tu tâm thanh tịnh, đều tu tâm bất động. Chỉ có không động tâm thì mới có thể thành tựu.

(**Diễn**) Sa thổ tự trầm.

(**演**) 沙土自沉。

(**Diễn:** Cát, đất tự chìm).

“Cát, đất” tỷ dụ phiền não. Tâm bất động thì mới đoạn được phiền não, phiền não đoạn rồi nghiệp chướng liền tiêu. Chúng ta muốn thật sự tiêu nghiệp chướng thì nhất định phải tu tâm thanh tịnh.

(**Diễn**) Thanh thủy hiện tiền, danh vi sơ phục khách trần phiền não.

(**演**) 清水現前，名為初伏客塵煩惱。

(**Diễn:** Nước trong hiện tiền thì gọi là “vừa mới chế phục khách trần phiền não”).

Đây chính là “*hàng phục kỳ tâm*” như kinh Kim Cang đã nói. Hàng phục cái tâm phải dùng Thiền Định rất sâu. Thiền Định: Quý vị đừng bị danh từ này mê hoặc, cứ ngỡ Thiền Định nói chung là ngồi xếp bằng, nhìn vào vách! Rất nhiều người chẳng thể thật sự liễu giải ý nghĩa được bao hàm trong danh tướng này. Bởi lẽ, học Thiền thì Lục Tổ Đàn Kinh là nguyên tắc chỉ đạo tối cao của Thiền Tông Trung Quốc. Trong Đàn Kinh có nói: “*Chẳng chấp lấy tướng là Thiền, chẳng động tâm là Định!*” Bất luận trong cảnh giới nào, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, quý vị chẳng chấp tướng thì gọi là Thiền. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm gọi là Định.

Do đây có thể biết rằng: Tịnh tọa hay không chẳng quan trọng, Định thật sự cao minh không có hình tướng, đi, đứng, nằm, ngồi đều là Thiền Định, vui cười, giận mắng cũng là Thiền Định. Đâu có ngốc nghếch cố chấp [phải ngồi Thiền mới là Thiền Định] như vậy! Phật pháp là sống động, hoạt bát; Thích Ca Mâu Ni Phật và các vị Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm, có vị nào chẳng hoạt bát, sống động? Do vậy, học Phật sợ nhất là học thành si ngốc, phiền phức lắm! Học hành trở thành kẻ cuồng chữ, học Phật biến thành kẻ cuồng Phật, sai mất rồi!

Bước đầu trong công phu tu học là chế phục phiền não. Khuất phục phiền não là “*công phu thành phiền*” trong pháp môn Niệm Phật. Nếu không chế phục được phiền não thì công phu chẳng thành tựu. Công phu thành phiền, quyết định vãng sanh. Các đồng tu phải đặc biệt chú ý điều này, chuyện này là chuyện của chính mình, đừng bận tâm đến chuyện của người khác. Đối với người khác, có duyên phận thì chúng ta giới thiệu pháp môn với họ. Họ có thể tiếp nhận, có thể y giáo phụng hành là họ có thiện căn, phước đức. Họ nghe xong, chẳng chịu làm theo hoặc hành chẳng đắc lực là do thiện căn, phước đức của họ quá ít, quý vị cũng chẳng cần phải nóng ruột: “*Đối với người này phải làm cách nào đây, ta vẫn chưa thể độ hẳn được!*” Quý vị nóng ruột như thế thì tâm của chính mình lại bị đục ngầu. Không độ chúng sanh được, mà chính mình lại bị họ lôi xuống nước, phải chú ý điều này.

Chư Phật, Bồ Tát hoằng pháp lợi sanh, hằng ngày tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, chính các Ngài chắc chắn chẳng động tâm, chắc chắn chẳng khởi niệm, vĩnh viễn giữ gìn tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần.

Có bản lãnh ấy thì mới có thể thả chiếc bè Từ. Chúng ta thường xử sự theo cảm tình, nhất là đối với bạn bè thân thiết, nếu tôi không độ họ, trong tâm khó chịu, nếu như tôi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ chẳng thể vãng sanh thành công thì tôi quay lại bầu bạn với họ, làm lẫn

quá lớn. Thành tích là ở chỗ này, nhất định phải đoạn phiền não. Khi bắt đầu thì là chế phục phiền não trước, khi công phu định lực sâu hơn thì có thể đoạn được phiền não.

(Diễn) Khử nê thuần thủy, danh vi vĩnh đoạn căn bản vô minh.

(Động) 去泥純水，名為永斷根本無明。

(Diễn: Khử bùn, [còn lại] thuần là nước thì gọi là vĩnh viễn đoạn dứt căn bản vô minh).

Cảnh giới này là Lý nhất tâm bất loạn, vì sao? Nó “vĩnh viễn đoạn dứt căn bản vô minh”, thuộc địa vị nào vậy? Thành Phật rồi! Thành Phật mới có thể vĩnh viễn đoạn dứt căn bản vô minh, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa làm được vì còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn. Chúng ta phải hiểu: Định ở mức độ cạn, Định nhỏ nhoi chỉ có thể chế phục phiền não. Thiền Định rất sâu mới có thể đoạn phiền não. Thế nhưng, [thật ra] Định chẳng thể đoạn vô minh, từ Định khai Huệ, Huệ mới có thể chiếu phá vô minh. Tâm Kinh nói Huệ là Bát Nhã sâu xa: “*Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”. Phải dùng trí huệ Bát Nhã để quán chiếu, chiếu kiến căn bản vô minh thì mới được, chứ dựa vào công phu định lực thì chưa được; nhưng trí huệ Bát Nhã từ Định sanh ra, không có Định sẽ chẳng có Huệ. Chúng ta đọc nhiều, nghe nhiều, nhớ nhiều kinh Phật một chút, bèn tưởng là trí huệ của chính mình mở mang, làm rồi! Trí huệ mở mang mà phiền não, vô minh chưa đoạn thì phải hiểu đây chẳng phải là trí huệ, mà là Thế Trí Biện Thông như trong Phật pháp đã nói. Thế Trí Biện Thông là một trong tám nạn của người học Phật, gặp nạn rồi! Loại trí huệ này gọi là Sở Tri Chương. Học Phật phải phá hai thứ chương, tăng trưởng Sở Tri Chương mà làm lẫn ngỡ là khai trí huệ, có hỏng bét hay là không?

Học Phật trong thời cận đại, trong nhà Phật có rất nhiều chuyện hiếm có, lạ lùng, cổ quái mà thưở xưa chưa hề có! Tôi thường gặp [người ta kể] “ông X... đã khai ngộ rồi”, còn có kẻ tự nói mình đã khai ngộ. Khí chất của người đã ngộ và chưa ngộ khác nhau! Người đã ngộ làm sao có vô minh? Làm sao có phiền não? Tôi ở ngoại quốc, nghe nói tại Los Angeles có mười mấy người trẻ tuổi đã khai ngộ. Tôi giảng kinh ở Los Angeles, bọn họ đến nơi ấy nghe tôi giảng kinh. Tôi nói: “Lạ nhỉ! Khai ngộ rồi thì còn nghe tôi giảng kinh để làm gì? Còn có chỗ nghe rồi không hiểu, còn phải nêu khá nhiều câu hỏi”, đủ thấy bọn họ chắc chắn chưa khai ngộ. Vì sao? Tôi chưa khai ngộ mà! Tôi chưa khai ngộ, nếu họ khai ngộ rồi, lẽ ra phải cao minh hơn tôi nhiều lắm chứ! Kết quả là so ra họ chẳng

bằng tôi, đủ thấy bọn họ quả thật chưa khai ngộ. Chưa khai ngộ mà tự cho là mình đã khai ngộ, đại khái họ cũng chẳng phải là vọng ngữ, trong Phật pháp gọi họ là kẻ “tăng thượng mạn”, chưa khai ngộ mà tự cho là đã khai ngộ.

Tôi còn gặp người bảo tôi chính ông ta đã chứng quả. Tôi cũng chẳng có cách nào! Tôi bèn nói: “Hay quá! Tôi vẫn chưa chứng quả”, chẳng qua tôi bảo kẻ ấy: “Người thật sự chứng A La Hán chắc chắn có Lục Thông. Trong tâm tôi nghĩ tới chuyện gì, khởi vọng tưởng gì, ông có biết hay không? Nếu ông không biết, ông chẳng có Tha Tâm Thông. Chúng ta đang ở trong nhà, ngoài đường có xe gì chạy qua, ông có thấy được hay không? Cách vách mà không thấy thì ông chẳng có Thiên Nhãn Thông!” Khảo nghiệm từng chuyện, môn thần thông nào kẻ ấy cũng không có. Tôi nói: “Ông chẳng phải là A La Hán, A La Hán nhất định có thần thông”. Sau đó, kẻ ấy tự mình suy nghĩ, đại khái là chưa chứng đắc. Khó lắm! Có nhiều người nầy sanh lầm lẫn, chưa chứng đắc mà cho là đã chứng đắc, chưa khai ngộ mà tưởng là đã khai ngộ. Thật ra là do đọc kinh quá ít, chẳng hiểu cảnh giới. Giống như chúng ta đi đường, từ Đài Bắc muốn đến Cao Hùng, khi đến được Bản Kiều bèn ngỡ là đã tới nơi: “Tôi đã đến Cao Hùng rồi!” hiểu lầm, chẳng hiểu cảnh giới!

Tu hành phải hiểu lý luận, phương pháp, còn phải biết cảnh giới. Biết cảnh giới giống như biết đường, biết rõ ràng công phu của chính mình đạt đến trình độ nào, con đường trước mặt phải đi như thế nào, còn bao xa, cũng phải biết thật rõ ràng, quyết chẳng lạc lối. Có những người chẳng dốt công phu nơi Định - Huệ, ở đâu cũng khoe khoang chính họ đã khai ngộ, lại còn muốn thỉnh đại pháp sư ấn chứng cho mình, thỉnh thượng sư Mật Tông ấn chứng. Đúng là mê! Ấn chứng cho kẻ ấy: “Người này khai ngộ! Kẻ kia chứng quả!” Kết quả toàn là giả! Do vậy, người hiểu lý thật sự phân biệt chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, quyết chẳng mê lầm phương hướng, chẳng bị kẻ khác lừa gạt, chẳng bị người ta đùa bỡn.

Hiện thời, kẻ gạt người rất đông, nhưng rất nhiều người bằng lòng bị gạt, nói lời thật với họ, họ không nghe, chẳng tin tưởng. Nói lời giả với họ, gạt gẫm họ, họ hết sức vui thích. Thậm chí kẻ gạt người nói: “Ông đến học với tôi, học mấy bữa tôi sẽ thọ ký cho ông: Ông là Bồ Tát này, chứng quả vị nọ”. Người ấy bèn đem hết của cải tích góp trong nhà dâng cúng cho hắn. Những gã [lừa bịp] ấy chẳng sợ nhân quả báo ứng! Nếu những người ấy trong tương lai không chứng quả, bị gạt, thì thiếu nợ vẫn phải trả, thiếu nợ thì phải trả nợ, thiếu mạng phải đền mạng, đã khiến cho Pháp Thân huệ mạng của chúng sanh bị làm lỡ, lại còn gạt gẫm tài vật, biết làm

sao nữa! Hiện thời, trong thế gian hiện nay, hiện tượng này chẳng phải là không có, chúng ta học Phật phải chú ý, cẩn thận, phải biết phán đoán. Phương pháp duy nhất để phán đoán là đọc kinh, đối chiếu những điều kẻ ấy nói hay viết với kinh điển. Nếu trong mười câu có chín câu gần như đúng mà có một câu đáng đặt dấu hỏi thì toàn bộ đều có vấn đề!

Thủ đoạn của bọn gạt người rất xảo diệu, biến giả thành chân, người sơ học thường chẳng phân biệt chân và vọng, thoát nhìn ngờ là thật; thật ra, trong ấy có xen lẫn giả, chúng ta phải cẩn thận điều này. [Thủ đoạn] càng cao minh thì càng khó phân biệt. Kinh Lăng Nghiêm từ quyển Tám trở đi, kinh văn chiêm đến một quyển rưỡi nhằm giảng về năm mươi thứ Âm Ma. Cảnh giới ma hiện tiền, chắc chắn quý vị coi nó là cảnh giới Phật.

Đối với bản lãnh hiện thời của chúng ta, nếu cảnh giới nào hiện tiền sẽ không có cách nào biện định được, nhất định sẽ bị gạt, đối với người tu hành chúng ta mà nói thì công phu sẽ vứt sạch, đáng tiếc lắm! Do vậy, cái hay của kinh Lăng Nghiêm là cảnh tỉnh chúng ta: Trong thế giới này, yêu ma quỷ quái quá nhiều, chỗ nào cũng có. Quý vị nhận biết chúng thì chúng nó sẽ không làm gì quý vị được! Nếu quý vị hiểu nguyên tắc tu hành, sẽ chẳng bị chúng nó lừa gạt. Nguyên tắc tu hành là “khuất phục phiền não, đoạn phiền não, phá vô minh”. Nguyên tắc tu học là phải “tăng trưởng công phu định lực, tăng trưởng cái tâm thanh tịnh, tăng trưởng trí huệ của chúng ta”. Có như vậy mới chẳng bị gạt! Nương vào Giới, Định, Huệ, thành tựu Văn, Tư, Tu; con đường ấy quyết định chính xác. Trong kinh luận, hết thầy chư Phật, Bồ Tát đều chỉ dạy chúng ta như thế. Khôi phục bản tánh là như thế nào? Làm thế nào để thành tựu cái tâm thanh tịnh? Ý nghĩa ấy chính là “*chuyển Ngũ Trược thành cõi Thanh Thái*”, trong quyển cuối cùng của bộ sách này có một đoạn Sớ Sao rất dài nhằm thảo luận vấn đề này.

(Sớ) Vô minh sở dẫn, khí giác trược trần, vi viễn chân thể, cố danh viết Bối.

(Sớ) 無明所引，棄覺逐塵，違遠真體，故名曰背。

(Sớ: Do vô minh dẫn dắt, bỏ giác, đuổi theo trần, trái nghịch, xa lìa chân thể, nên gọi là Bối).

Đối với “*thanh, trược, hướng, bối*”, phần trên đã giảng về “*thanh, trược*”, ở đây lại giảng về “*hướng, bối*”.

(Diễn) Vô minh sở dẫn đẳng, thử vô minh, diệc tức căn bản vô minh. Giác tức Bản Giác, Trần tức tam tế, lục thô.

(演) 無明所引等，此無明，亦即根本無明。覺即本覺，塵即三細六粗。

(Diễn: “Vô minh dẫn dắt” v.v... Vô minh ở đây cũng chính là căn bản vô minh. Giác chính là Bản Giác, Trần là tam tế, lục thô).

“Khí giác, trọc trần”: Khí (棄) là vứt bỏ, Giác là Bản Giác. Nói thật ra, Khí là mê mất, tức mê mất Bản Giác. “Trục” (逐) là nắm níu, tâm tâm niệm niệm nắm níu ngũ dục, lục trần. Trần (塵) ở đây là tam tế, lục thô. Ngũ dục, lục trần là những thứ thô nhất trong các tướng thô. Tướng rất thô chính là Khởi Nghiệp Tướng trong sáu tướng Thô. Chấp Thủ Tướng, Kế Danh Tự Tướng và Khởi Nghiệp Tướng đều là ngũ dục, lục trần.

(Diễn) Do vô minh sanh nghiệp tướng, nãi chí tạo nghiệp thọ báo, thị tiệm viễn Chân Như chi giác, tùy trọc cảnh giới chi trần.

(演) 由無明生業相，乃至造業受報，是漸遠真如之覺，隨逐境界之塵。

(Diễn: Do vô minh sanh nghiệp tướng, cho đến tạo nghiệp, lãnh chịu quả báo, dần dần xa cách sự giác ngộ nơi Chân Như, chạy theo lục trần trong cảnh giới).

Đoạn này giải thích câu “vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục thô”, tức là nói về quá trình phát triển của tam tế, lục thô, từ “vô minh nghiệp tướng” cho đến khi “tạo nghiệp thọ báo”, cả chín thứ tướng (tức tam tế và lục thô) đều được nêu ra. Trải qua quá trình phát triển như vậy mà dần dần xa lìa Chân Như, trái nghịch Bản Giác. “Tùy trọc” cũng là nắm níu trần duyên trong cảnh giới.

(Diễn) Như cùng tử xả phụ đào thế, cố danh viết Bối.

(演) 如窮子捨父逃逝，故名曰背。

(Diễn: Như đứa con nghèo túng bỏ cha trốn đi, nên gọi là Bối).

Câu này là một thí dụ trong kinh Pháp Hoa. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật có kể một câu chuyện rất dài: Đứa con trai của vị trưởng giả giàu to quên mất cái nhà của chính mình, bỏ trốn ra ngoài đi xin ăn, khô sớ khôn xiết! Trái nghịch Bản Giác cũng giống như vậy; vì sao trái nghịch Bản Giác? Sau khi vô minh khởi lên, sẽ mê mất bản tánh.

(Sớ) Phản kỳ khứ lộ, phục sử quy hoàn, tư chi vị Hướng.

(疏) 返其去路，復使歸還，斯之謂向。

(Sớ: Quay ngược lại con đường đã đi, khiến cho trở về, đây gọi là Hướng).

Đoạn này nhằm giải thích ý nghĩa chữ Hướng. Hướng (向) là quay đầu lại, trong nhà Phật thường nói “hồi đầu thị ngạn” (quay đầu lại sẽ là bờ). Quay đầu thì từ đâu mà quay? Trước hết là từ ngũ dục lục trần mà quay lại, rồi mới lại từ lục thô, tam tế mà quay về. Như vậy thì mới có thể trở về bản tánh, nhưng trong đoạn này, sách cũng nói, đây chính là điều được diễn đạt trong bản kinh này:

(Sớ) Túc chỉ bối Sa Bà nhi hướng Cực Lạc dã.

(疏) 即指背娑婆而向極樂也。

(Sớ: Túc là nói “trái nghịch Sa Bà để hướng về Cực Lạc” vậy).

Ở đây đại sư khuyên chúng ta hãy nên lìa khỏi thế giới Sa Bà, quy hướng thế giới Cực Lạc. Thế giới Sa Bà quả thật là khổ, chẳng thể giải quyết vấn đề. Ngay cả tu Thiên Định thế gian cũng chẳng dễ dàng, đừng nói là Thiên Định xuất thế gian. Sơ Thiên trong Thiên Định thế gian chẳng dễ gì thành tựu! Ngàn vạn phần chớ nên coi “Thiên ngoài cửa miệng, Thiên kiêu chôn hoang” là Thiên Định của Như Lai, làm lạc mất rồi! Trong tâm mới đạt được một tí khinh an liền làm tưởng chính mình đã nhập Định, làm lạc quá lớn, tự mình dối gạt chính mình! Khi dối gạt người khác chính là tự dối gạt chính mình trước! Hạng người ấy rất ngu si, người thông minh quyết chẳng tự gạt mình. Lời chú giải cho đoạn này giảng rõ Lục Thô.

(Diễn) Phản kỳ khứ lộ giả, vị bất tu biệt tâm quy lộ, tức tựu lộ hoàn gia, tiện đắc phản thân kiến phụ.

(演) 返其去路者，謂不須別尋歸路，即就路還家，便得返身見父。

(Diễn: “Quay ngược lại con đường đã đi” ý nói: Chẳng cần phải tìm con đường nào khác, cứ theo đường ấy mà trở lại nhà, sẽ được xoay mình gặp cha).

Đây là tỷ dụ. Chính vì như vậy, đức Phật mới mở ra tám vạn bốn ngàn pháp môn, với ý nghĩa nhằm làm cho ai nấy đều theo đường trở về nhà, chẳng đi đường vòng. “Nhà”: Chân Như bốn tánh giống như cái tâm của vòng tròn, còn lũ chúng sanh chúng ta giống như đang đứng trên rìa ngoài của vòng tròn. Quý vị muốn đi đến cái tâm của vòng tròn thì phải đi thẳng theo đường kính, về thẳng đến nhà, chẳng thể đi quanh quẹo. Người khác tu pháp môn khác, người ấy cứ đứng ngay tại điểm đó, theo lối đó trở về nhà. Ta đứng tại điểm này, ta cũng có thể theo đường này trở về nhà. Ta chẳng cần đánh một đường vòng, học theo người ta. [Học theo người ta] chưa chắc đã có thể về đến nhà! Học Phật nhất định phải khế cơ; khế cơ là thích hợp với căn tánh và trình độ của chính mình, lại còn có thể thích hợp hoàn cảnh sống hiện thời, chẳng gây chướng ngại hay mâu thuẫn với cuộc sống hiện tại của chúng ta, tu hành như vậy sẽ thuận tiện. Có nhiều pháp môn là vì muốn thích hợp với những người có căn tánh khác nhau; do vậy, đức Phật giảng nhiều pháp môn vì chẳng phải chỉ giảng cho một cá nhân. Ví như bác sĩ trị bệnh kê rất nhiều toa thuốc, những toa thuốc ấy chẳng phải chỉ vì một người mà kê toa. Có những pháp môn chẳng thích hợp cho chúng ta tu học, tu tập những pháp môn ấy chỉ chuốc thêm phiền, tăng trưởng phiền não, tăng trưởng tà kiến. Những pháp môn ấy có phải do đức Phật nói ra hay không? Do đức Phật nói, nhưng chẳng hợp với căn cơ của chúng ta, chẳng khế cơ mà!

Vì vậy, nhất định phải chọn lựa pháp môn. Khi đức Phật còn tại thế, chẳng cần phải chọn lựa vì quý vị đến thưa hỏi đức Phật, đức Phật bèn nói một pháp môn, giống như quý vị đi khám bệnh, thầy thuốc ngay lập tức kê toa. Hiện thời, đức Phật chẳng còn trụ thế nữa, những kinh điển được lưu lại chính là các toa thuốc đã kê cho rất nhiều người thọ ấy. Không có cách nào kê toa thuốc cho thật khớp với căn bệnh mà chúng ta đang mắc phải hiện thời. Bác sĩ chỉ dựa theo bệnh tình mà kê toa, chứ bệnh nhân chẳng thể bị bệnh đúng như [triệu chứng mô tả] trong toa thuốc được! Nay đức Phật đã không còn trụ thế, kinh điển là toa thuốc, chúng ta lấy đọc, suy xét mỗi toa thuốc có thể trị được căn bệnh của ta hay không. Nếu nhận thấy toa thuốc ấy chẳng thích hợp với căn bệnh cho lắm, phải nhanh chóng thay đổi cho phù hợp, thay đổi toa thuốc, thay đổi phương pháp, [ngõ hầu] chính mình đạt được một chút lợi ích trong sự tu học là tốt rồi, bèn có thể tiếp tục nỗ lực không ngừng, công hiệu là nhất định đoạn được phiền não.

(Diễn) Tiên phá chấp thủ kế danh, không kỳ Nhân Chấp.

(演) 先破執取計名，空其人執。

(*Diễn*: Trước hết là phá chấp trước nắm giữ so đo danh tự, khiến cho Nhân Chấp rỗng không).

Cương lĩnh được nói ở đây chính là nguyên tắc chung cho tất cả các pháp môn. Bất cứ pháp môn nào trong tám vạn bốn ngàn pháp môn đều chẳng thể trái nghịch [nguyên tắc này]. Nếu trái nghịch nguyên tắc, nguyên lý này, chắc chắn chẳng phải là Phật pháp. Công phu tu hành sơ bộ chính là phá Chấp Thủ Tướng. Tướng thứ nhất trong sáu thô tướng chính là Trí Tướng, thứ hai là Tương Tục Tướng, thứ ba là Chấp Thủ Tướng, thứ tư là Kế Danh Tự Tướng. “Kế” (計) là so đo, phân biệt, “danh” (名) là danh tướng, “chấp” (執) là chấp trước, “thủ” (取) là lấy - bỏ. Trong hết thảy các pháp, quý vị khởi phân biệt, chấp trước, có cái tâm lấy - bỏ, được - mất, hoàn toàn do Ngã Chấp (Nhân Ngã Chấp) phát sanh.

Chẳng lia được những thứ ấy, Ngã Chấp tăng trưởng! “Nhân Chấp” chính là Nhân Ngã Chấp (chấp trước có ta, có người). Nếu còn những thứ này, sẽ chẳng phá được Nhân Ngã Chấp, chúng ta niệm Phật chẳng thể thành tựu Sự nhất tâm. Liên Trì đại sư, Ngẫu Ích đại sư đều bảo với chúng ta như thế này: Phá Nhân Ngã Chấp, đắc Sự nhất tâm bất loạn. Phá Pháp Ngã Chấp (phá Pháp Chấp), đắc Lý nhất tâm bất loạn. Điều này rất khẩn yếu! Công phu niệm Phật của chúng ta phải nhìn từ chỗ này; đó là thành tích, đạt đến tiêu chuẩn ấy, biết chính mình đã đạt đến nhất tâm bất loạn.

Pháp môn Niệm Phật dùng một câu danh hiệu, câu danh hiệu ấy từng tiếng đều nhắc nhở chính mình. Trong cảnh giới, chúng ta vừa mới có phân biệt (so đo danh tự là phân biệt), một câu A Di Đà Phật liền lay tỉnh chính mình. Nam-mô A Di Đà Phật, có nghĩa là Vô Lượng Giác. Trong cái tâm giác ngộ không so đo tướng danh tự, không chấp trước hay giữ lấy tướng, trong mê hoặc mới có! Hy vọng chúng ta trong khi mê sẽ nhanh chóng dùng một câu Phật hiệu hét cho chính mình quay đầu lại, đây là quay về. “Tự lộ hồi gia” (theo đường trở về nhà) thì Phật hiệu mới có ích. Quyết chẳng phải là nói tôi mỗi ngày niệm mấy ngàn tiếng, mấy vạn tiếng Phật hiệu, chắc là A Di Đà Phật rất hoan hỷ, rất ưa thích tôi, trong tương lai khi tôi lâm chung, Ngài nhất định đến đón tôi! Đây vẫn là so đo danh tự y như cũ, vẫn là chấp lấy y hệt như cũ, hằng ngày tăng trưởng cả đồng phiền não, chẳng thấy nhạt bớt mấy phần, không được rồi! Toàn là hiểu lầm, toàn là sai lạc! Kinh dạy chúng ta điều kiện vãng sanh là “nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo”, chứ hoàn toàn không dạy “hằng ngày niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, không cần phải nhất tâm bất loạn”, không hề nói điều đó! Nhất định phải hiểu đạo lý này, nhưng Phật hiệu chớ nên

gián đoạn, vì sao? Hễ gián đoạn, vọng tưởng sẽ khởi lên, nghiệp chướng quá nặng mà!

Do vậy, đổi tất cả vọng niệm thành một câu, tức là một câu Phật hiệu, đổi thành một niệm; nhưng mỗi câu Phật hiệu đều phải giác ngộ trong mỗi tiếng, chớ nên mê! Do vậy, kinh, sớ, luận chẳng thể không đọc, chẳng thể không nghiên cứu! Nếu không, tuy niệm một câu danh hiệu này, vẫn là hồ đồ mê muội niệm, mỗi tiếng đều mê hoặc, điên đảo, chứ không phải là mỗi tiếng đều giác ngộ, vô ích! Cổ đức nói: “*Hãm phá hầu lung dã uông nhiên*” (hết vỡ cuống họng cũng uông công). Một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, hết rách toạc cuống họng có ích chi đâu, vì sao? Chẳng thể đoạn phiền não! Chẳng thể phá Ngã Chấp! Kẻ ấy chẳng biết cách phải niệm Phật hiệu như thế nào! Mười vạn câu Phật hiệu của kẻ ấy, mỗi tiếng đều mê muội chẳng giác, không được rồi!

Phật dạy chúng ta niệm câu Phật hiệu sao cho từng tiếng giác chứ chẳng mê, từ trong mê gọi chính mình hãy quay đầu giác ngộ, ý nghĩa là như vậy đó! Do vậy, xét đến thành tích thì phải phá phân biệt, chấp trước. Trong cuộc sống thường nhật, người niệm Phật tâm phân biệt, chấp trước phải mỗi ngày một nhạt mỏng hơn, cảnh giới ấy là cảnh giới tốt đẹp, công phu có tiến bộ. Mỗi ngày thấy [phiền não, chấp trước] nhạt hơn chính là thấy thấu suốt, mỗi ngày đều có thể buông xuống dễ hơn, như vậy là niệm Phật hiệu đắc lực, có sức kha khá, Ngã Chấp tự nhiên phá trừ.

(Diễn) Thứ phá Tương Tục, Trí Tướng, đặng kỳ Pháp Chấp.

(演) 次破相續智相，蕩其法執。

(Diễn:) Kế đó là phá Tương Tục Tướng và Trí Tướng, quét sạch Pháp Chấp).

Lại tiếp tục phá Tương Tục Tướng và Trí Tướng, đây là Pháp Chấp trong thức thứ bảy. Trong phần trước là Ngã Chấp, ở đây là Pháp Chấp. Nay chúng ta gọi Pháp Chấp là “*tri kiến*”. Phàm là tri kiến thì đều là Sở Tri Chương. Do vậy, quý vị học này nọ, học nhiều như vậy để làm gì? Học càng nhiều, Sở Tri Chương càng nặng. Trí huệ chân thật là như kinh Đại Bát Nhã đã nói “*Bát Nhã vô tri*”. Quý vị hỏi Phật, Bồ Tát: “Ngài có trí huệ hay chẳng?” Các Ngài sẽ nói: “Tôi không có trí huệ”. Trong Đàn Kinh, có người hỏi Lục Tô, Lục Tổ nói: “*Ta không biết, ta cũng chẳng hiểu*”. Ngài nói lời ấy chẳng phải là gạt người, mà cũng chẳng phải là khiêm hư, thật sự là không có. Trong tâm thanh tịnh chẳng có gì hết, “*vốn chẳng có một vật*”, lẽ nào có tri kiến? Không có! Bát Nhã đúng là vô tri,

vô tri thì tâm mới thanh tịnh. Khi nó khởi tác dụng, giống như tấm gương soi cảnh giới bên ngoài: Khi soi thì không gì chẳng biết, ngay khi nó đang soi, chính nó vẫn chẳng biết, vẫn là thanh tịnh, quyết chẳng bị ô nhiễm, đây mới là trí huệ chân chánh. Nay chúng ta dùng “thấy, nghe, hay, biết” để nhận biết những thứ ấy thì hoàn toàn là tà tri, tà kiến, toàn là Sở Tri Chương.

Do vậy, nghe kinh phải lia tướng ngôn thuyết, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên, lia cả ba tướng ấy thì quý vị nghe kinh có thể tăng trưởng trí huệ. Nếu chấp vào ba tướng ấy, quý vị nghe kinh sẽ tăng trưởng tà kiến, tăng trưởng Sở Tri Chương. Đây là mấu chốt rất quan trọng. Trong Hoa Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa, khi giảng về tựa đề kinh, Thanh Lương đại sư đã nói rất rõ ràng: Kẻ chẳng khéo học rất dễ dàng rơi vào tà kiến và vô minh. Do vậy, phải biết học! Trong ấy có phương tiện thiện xảo. Không hiểu phương tiện thiện xảo thì quý vị nghe kinh sẽ chuyên nhớ danh tướng, tức là chấp vào tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, hoặc là nghe xong bèn suy nghĩ câu kinh này có đạo lý như thế nào, tức là khởi vọng tưởng, chấp vào tướng tâm duyên. Nghe bằng phương tiện thiện xảo thật sự là “*nghe mà không nghe, không nghe mà nghe*”, cao minh đấy! Nghe kinh như vậy sẽ tăng trưởng công phu định lực, tăng trưởng trí huệ.

Ví như quý vị nghe giảng kinh ở nơi đây, trong hai tiếng đồng hồ, quý vị nghe từng câu rõ ràng, rành mạch phân minh, đó là trí huệ. Lúc nghe, trong tâm quý vị bất động, chẳng động tâm, chẳng khởi niệm, đó là Thiền Định. Trong hai tiếng đồng hồ ở nơi đây, quý vị tu điều gì? Định - Huệ song tu, có Định, có Huệ. Nếu khi quý vị nghe kinh mà chấp tướng danh tự, chấp tướng ngôn thuyết, lại còn suy nghĩ câu này có những đạo lý này nọ, thì Định lẫn Huệ đều chẳng có, mà nghe những thứ gì vậy? Danh ngôn thế gian, đó là pháp thế gian! Phật pháp và thế gian pháp sai khác trong một niệm. Quý vị nghe pháp thế gian, nghe Phật học cũng là Phật học thế gian, vô ích! Phật học thế gian tăng trưởng Pháp Chấp, tăng trưởng Sở Tri Chương. Do vậy, biết giảng chẳng bằng biết nghe, biết nghe cao minh lắm! Chỉ cần quý vị biết nghe thì ai giảng kinh cũng đều có thể nghe, vì sao? Quý vị nghe giảng tại nơi đó, tu Định - Huệ của chính mình, quyết chẳng chấp tướng. Người biết nghe, trí huệ thật sự hiện tiền, đây là có đại định rất sâu, có Bát Nhã rất sâu, đến khi ấy, Định và Huệ của người ấy không gì chẳng tăng trưởng, cảnh giới đương nhiên khác hẳn, dần dần sẽ càng nâng cao hơn.

Pháp Pháp Chấp là địa vị Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, đạt đến Lý nhất tâm bất loạn. Sau đây còn có chuyện gì nữa hay chẳng? Còn chứ! Vì

sao? Vẫn chưa viên mãn! Trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ cho đến quả vị Như Lai còn có bốn mươi hai tầng cấp; do vậy, trong Lý nhất tâm bất loạn có bốn mươi hai mức độ, tuy đều chứng đắc Lý nhất tâm, nhưng công phu có sâu hay cạn khác nhau. Thập Trụ Bồ Tát chứng đắc nông cạn. Thập Địa Bồ Tát chứng đắc sâu xa.

(Diễn) Thứ phá tam tế Lại Da, quy về giác thể.

(演) 次破三細賴耶，歸於覺體。

(Diễn: Kế đó là phá ba tế tướng trong A Lại Da thức, trở về giác thể).

Lại phải “*phá tam tế Lại Da*”, có thể phá được ba tế tướng trong A Lại Da thức, sẽ đắc nhất tâm bất loạn rất sâu, chẳng nông cạn. Phá ba tế tướng (Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, Cảnh Giới Tướng) trong A Lại Da thức chính là bắt đầu bước vào hàng Bát Địa Bồ Tát trong Viên Giáo, Bát Địa là Bất Động Địa. Khi ấy, A Lại Da thức bắt đầu chuyển thành Đại Viên Kính Trí, mãi cho đến khi viên thành Phật quả thì mới là “*trở về giác thể*”.

(Diễn) Tư chi vị Hướng dã.

(演) 斯之謂向也。

(Diễn: Đó gọi là Hướng).

Đây là ý nghĩa của chữ Hướng. Đây là nguyên tắc chung của ngàn kinh muôn luận, quyết định chẳng có ngoại lệ; ngay cả pháp môn Tịnh Độ của chúng ta cũng chẳng thể trái nghịch được! Trái nghịch nguyên tắc, nguyên lý này thì sẽ là ma thuyết, chẳng phải là Phật thuyết! Thế nhưng pháp môn Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt, tức là dạy quý vị hãy lìa khỏi thế giới Sa Bà, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Vì sao? Dễ dàng hơn! Chúng ta muốn phá Ngã Chấp, phá Pháp Chấp, sợ rằng trong một đời sẽ chẳng thể làm được. Tuy không làm được, nhất định phải làm được, chẳng thể nói là “*làm không được*”, chúng ta bèn không làm, sai mất rồi! Làm không được cũng phải làm. Làm được mấy phần thì tính mấy phần, vẫn tốt hơn chẳng làm! Nhất định phải làm! Thật ra, làm không được, vẫn còn có thể đời nghiệp vãng sanh, đời nghiệp (nghiệp mang theo) chính là Ngã Chấp và Pháp Chấp. Ngã Chấp lẫn Pháp Chấp chưa phá thì có thể mang sang Tây Phương Cực Lạc thế giới để phá. Đây là tình hình trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Phá Ngã Chấp, sanh

vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Phá Pháp Chấp sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Thế giới Cực Lạc quả thật quá thù thắng. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư có trọn đủ các sự thù thắng của cõi Phương Tiện và Thật Báo; nói thô thiển một chút thì [trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư] sự hưởng thụ, đãi ngộ, những điều tốt lành [trong hai cõi Phương Tiện và Thật Báo] đều có hết. Điều này chẳng thể thấy trong những thế giới khác, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới có tình trạng này. Do vậy, đúng là Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng khen ngợi khôn cùng. Cũng chính vì vậy, mười phương chư Phật mới hiện tướng lưỡi rộng dài đến chứng minh cho Thích Ca Mâu Ni Phật, chứng minh những lời Phật Thích Ca đã nói là lời thành thật. Trong kinh văn, lưỡi chư Phật thè ra che khắp tam thiên đại thiên thế giới, có đồng học nói câu này rất khó hiểu, gần như chẳng thể nào có chuyện này!

Hiện thời quý vị nghĩ không thể nào có chuyện này, thì khi nào quý vị đạt đến địa vị Bồ Tát, sau khi đã phá hết Ngã Chấp, quý vị sẽ giác ngộ đây là chuyện có thể xảy ra, vì sao? Kinh Phật nói đến hết thấy các pháp, tướng lưỡi rộng dài cũng là một pháp, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Nếu tâm thức chẳng thể biến hiện tướng ấy thì tâm thức có công năng hữu hạn, làm sao có thể gọi là “*vạn đức, vạn năng*”, chẳng thể nói là “*vốn sẵn đầy đủ*”.

Khi ngộ đạo, Lục Tổ nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn đầy đủ*”, [nếu nghi ngờ câu “*quảng trường thiệt tướng*” trong kinh Di Đà] thì phải mở ngoặc chú thích “*chẳng trọn đủ tướng lưỡi rộng dài*”, đối với câu “*nào ngờ tự tánh, có thể sanh vạn pháp*” lại phải chú thích thêm “*chẳng thể sanh ra tướng lưỡi rộng dài có thể che khắp tam thiên đại thiên thế giới*”, nhưng đâu có chú giải như vậy, cho thấy quả thật là vốn sẵn trọn đủ, có thể sanh ra vạn pháp. Chúng ta nghĩ thông suốt đạo lý này, chẳng còn hoài nghi nữa!

Có Lý ắt có Sự, có Sự nhất định phải có Lý. Lý - Sự bất nhị thì mới là chánh thuyết. Thế nhưng trong trường học, gặp gỡ bạn học, nếu họ hoài nghi thì quý vị không cần phải nói theo cách ấy. Vì sao? Đối với hàng sơ học, có những Lý chẳng thể giảng rõ được, càng biện luận họ càng hồ đồ, càng rối ren. Có thể tạm thời dùng cách nói phương tiện sao cho họ chẳng hoài nghi, sanh tín tâm đối với Phật pháp, chúng ta nhằm đạt đến mục đích ấy, cần gì cứ phải nói rườm rà truy đến tận gốc, tận đáy như vậy? Có làm như vậy, họ cũng chẳng hiểu rõ. Do vậy, đức Phật thuyết pháp đối với mỗi người mỗi khác, đối với kẻ trình độ cạn thì nói pháp cạn, với kẻ trình độ

sâu thì nói pháp sâu, đức Phật không có cách nói nhất định, nhưng chắc chắn chẳng trái nghịch chân lý, quyết định chẳng trái nghịch.

(Sớ) *Nhiên thử thả tự chúng sanh nhất kỳ tùng mê đắc ngộ nhi ngôn, tự hữu trừng chi, phản chi chi tích, nhi u tự tánh, thật vô đắc thất, diệt vô tăng tổn. Thị cố thời trước, thời thanh, thủy phi dịch tánh, hốt bối, hốt hướng, nhân vô nhị thân.*

(疏) 然此且就眾生一期從迷得悟而言，似有澄之返之之跡，而於自性，實無得失，亦無增損。是故時濁時清，水非易性；忽背忽向，人無二身。

(Sớ: Đây là dựa theo chúng sanh từ mê được ngộ trong một đời để nói, nên dường như có những hình tượng, dấu vết lắng trong, quay trở lại, chứ trong tự tánh, thật sự chẳng có được, mất, cũng không có tăng hay tổn. Vì thế, có lúc đục, có lúc trong, tánh nước chẳng đổi, chợt hướng về, chợt trái nghịch, nhưng người chẳng có hai thân).

Lại xiển minh ý nghĩa “vốn chẳng có một vật”, “vốn sẵn thanh tịnh” thì làm gì có những thứ “trong, đục, hướng về, trái nghịch”. Chắc chắn chẳng có! “*Chúng sanh nhất kỳ*”, “*nhất kỳ*” là một đời, trong một đời này, không nói tới đời trước, cũng chẳng nói tới đời sau, mà nói ngay vào đời hiện tại của chúng ta. Từ mê mà khai ngộ, giống như có những dấu tích, tướng mạo “*trừng chi, phản chi*” (lắng trong, quay trở lại). Trước kia chúng ta mê hoặc, điên đảo, gặp được Phật pháp, y giáo tu hành, khai ngộ.

Thật ra, khai ngộ có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ. Ai nầy đều có tiểu ngộ, mỗi ngày đọc kinh, nghe kinh có chỗ ngộ thì tiểu ngộ tích tập sẽ biến thành đại ngộ. Tuy vậy, tâm nhất định phải thanh tịnh, phiền não phải nhẹ đi thì mới có thể tích tập tiểu ngộ thành đại ngộ. Nếu quý vị nói là đã ngộ mà phiền não hoàn toàn chẳng giảm nhẹ, thậm chí ngày càng nặng thêm, thì dấu là có tích tụ bao nhiêu tiểu ngộ đi nữa, cũng chẳng thể trở thành đại ngộ được!

Thật sự ngộ thì ngộ là khai trí huệ, trí huệ có thể chế phục phiền não, phá được vô minh. Dẫu chưa phá được vô minh, cũng có thể nhặt bớt một chút, có công năng như vậy. Thế nhưng có người ngộ, nhưng cái ngộ ấy là giải ngộ, chứ không phải là chứng ngộ. Giải ngộ chẳng thể liễu sanh tử. Vì giải ngộ chỉ là hiểu rõ trên mặt Lý; tuy đã hiểu Lý, giống như đã biết đường nhưng vẫn chưa đi. Nói cách khác, phiền não chưa đoạn, chưa

hết sanh tử, tuy biết đường, đâu có ích gì! Giải ngộ vô ích, cổ nhân chê là “*kể chuyện ăn, đếm của báu*”.

Kẻ ấy chẳng phải là tà tri tà kiến, chẳng phải là Pháp Chấp, thật sự hiểu rõ, nhưng không y giáo tu hành! Nói cách khác, kẻ ấy không tu Định. Người ngộ rồi nhất định sẽ tu Định, lại còn dễ thành tựu Định ấy, vì người ấy đã biết đường, hiểu cái hay của Định, lại hiểu phương pháp tu hành, sẽ tu nhanh hơn người khác. Đây là giải ngộ rồi phải tu chứng, ngộ hậu khởi tu, cách thức này khá cao minh!

“*Tu chứng nhất kỳ*” là khi tu chứng trong một đời này, sẽ có những dấu vết “*lắng trong, như đục, hướng về, trái nghịch*” để có thể thấy được, nhưng phải hiểu rằng: Nếu nói theo phương diện Chân Như tự tánh thì không có những dấu vết, hình tướng ấy, chắc chắn sẽ không có! “*Thật sự không có được - mất*”, trong chân tâm không có được - mất, được - mất là vọng tâm, “*cũng không có tăng hay tổn*”, trong chân tâm không có tăng hay tổn. Khi mê, pháp tài công đức của chúng ta bị tổn hoại, mất đi, khi ngộ sẽ lại có. Thật ra, trong chân tánh không có được, mất, tăng, tổn.

Tiếp theo đó là tỷ dụ, “*lúc đục, lúc trong*”. Nước có khi đục, có khi trong, nhưng “*tánh nước chẳng thay đổi*”. Tánh của nước vốn thanh khiết, hoàn toàn chẳng biến đổi. Trong hay đục chẳng thể biến đổi tự tánh của nó. Vì sao? Vì nước hoàn toàn không ô nhiễm, nước là nước, bùn cát là bùn cát. Đường như tạm thời lẫn lộn, nhưng để nó lắng lại thì nước vẫn là nước, bùn cát vẫn là bùn cát, tự nhiên lắng xuống. Chúng ta phải hiểu lý này. “*Chợt trái nghịch, chợt hướng về*”: Có lúc thì trái nghịch, có lúc hướng về, “*người không có hai thân*”: Vẫn là cùng một người, “*trái nghịch*” và “*hướng về*” chẳng qua do cái thân của chính mình chuyển biến đôi chút. Những điều này đều là nói tỷ dụ.

Tiếp theo, sách nêu một tấm gương về công phu tu chứng của bậc cổ đức để làm gương. Đoạn công án này trích từ Lục Tổ Đàn Kinh, đây là chuyện của thiền sư Hoài Nhượng, môn đồ đặc ý của Lục Tổ đại sư. Hôm nay đã hết giờ rồi!